



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 9/2022



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 8/2022	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	4
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	5
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 8/2022	5
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	5
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	5
1.1.2. Xuất nhập khẩu	6
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	6
1.1.4. Hoạt động đầu tư	7
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	7
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	8
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	8
1.2.2. Lãi suất	8
1.2.3. Tỷ giá	9
1.2.4. Chứng Khoán	9
1.2.5. Lạm phát	10
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	11
2.1. Về chủ chương, chính sách	11
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	11
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 8 năm 2022	13



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 8/2022

1.1. Tổng quan chung

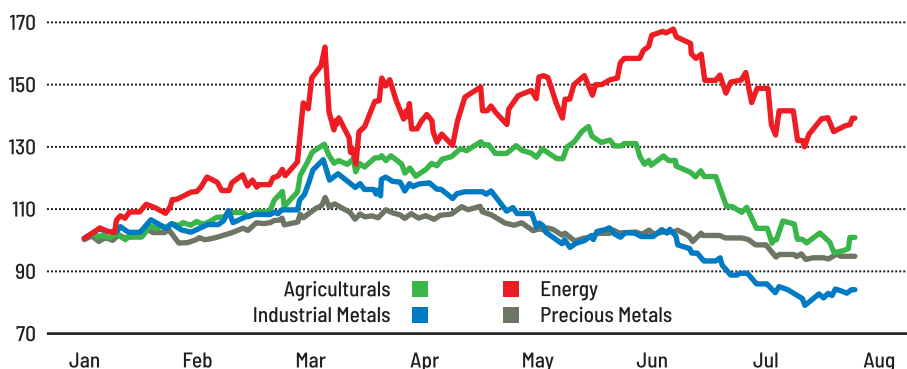
Sản lượng sản xuất toàn cầu tháng 8/2022 giảm trở lại và có những dấu hiệu cho thấy tình trạng có thể xấu đi hơn nữa trong những tháng tới. Các đơn đặt hàng mới giảm, giảm lượng công việc còn tồn tại, tồn kho thành phẩm tăng dẫn đến dư thừa công suất tại các nhà máy. Thị trường tài chính quốc tế có những diễn biến trái chiều, khó đoán định.

Cùng với sự giảm tốc của tăng trưởng, giá cả các nguyên vật liệu đầu vào chủ chốt đã suy yếu trong mấy tuần gần đây, theo đó giúp giảm bớt sức ép tăng giá đối với hàng hoá công nghiệp và lương thực thực phẩm. Ngoài ra, chi phí vận tải hàng hoá cũng giảm nhờ sự phục hồi dầu còn chậm chạp của chuỗi cung ứng sau giai đoạn căng thẳng của đại dịch Covid-19. Áp lực lạm phát có dấu hiệu giảm dần dù vẫn ở mức cao, và như vậy các ngân hàng trung ương vẫn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt.

Theo JPMorgan, chỉ số PMI sản xuất toàn cầu đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 26 tháng qua là 50,3 vào tháng 8/2022, giảm từ 51,1 trong tháng 7 và chỉ cao hơn một chút so với mốc trung bình 50,0.

Các hoạt động kinh tế toàn cầu đang trên đà sụt giảm khi giá thực phẩm, năng lượng tăng cao ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và lợi nhuận doanh nghiệp.

DIỄN BIẾN GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Nguồn: Capital Economics

Bên cạnh đó, nắng nóng khắc nghiệt và hạn hán kéo dài đang gây hậu quả nghiêm trọng cho kinh tế Mỹ, châu Âu và Trung Quốc, mang lại khó khăn cho người lao động và doanh nghiệp vào thời điểm tăng trưởng kinh tế đang chậm lại và áp lực giá cả tăng. Tình trạng khô hạn không chỉ xuất hiện ở sông Rhine. Trên khắp thế giới, những dòng sông quan trọng với nền kinh tế toàn cầu - chẳng hạn sông Trường Giang, sông Danube và Colorado - đang khô cạn, cản trở con đường vận chuyển hàng hóa, làm gián đoạn hệ thống tưới tiêu, khiến các nhà máy điện và cơ sở sản xuất hoạt động khó khăn hơn. Đồng thời, nắng nóng gay gắt cản trở mạng lưới giao thông, gây áp lực lên nguồn cung điện và ảnh hưởng đến năng suất lao động.

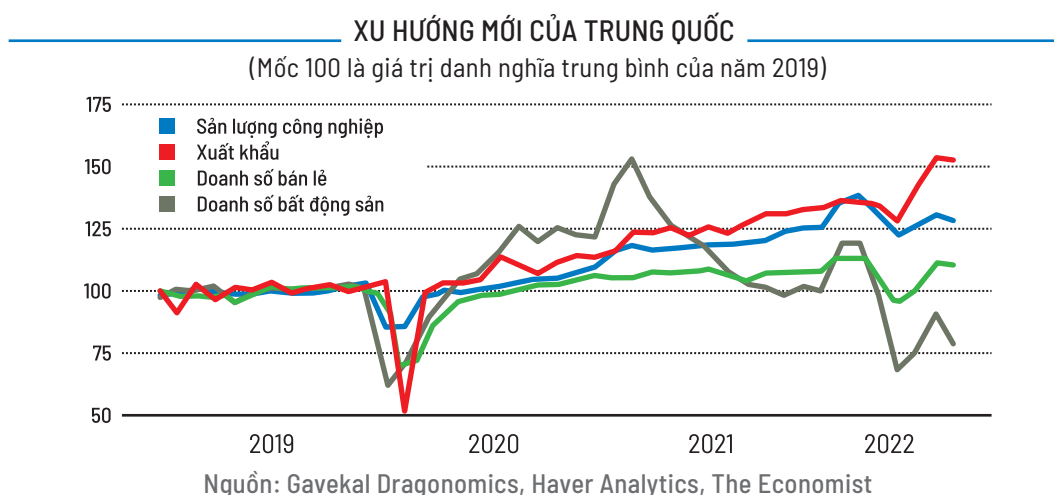
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Trung Quốc

Nền kinh tế Trung Quốc bị mắc kẹt bởi chính sách “Zero COVID”. Chính sách này gây tác động trực tiếp lẫn gián tiếp, cản trở cả cung lẫn cầu.

Thêm vào đó, đợt nắng nóng kỷ lục đã cũng giáng thêm đòn cho nền kinh tế thứ hai thế giới này. Tình trạng thiếu hụt điện do nắng nóng và hạn hán đã khiến tỉnh Tứ Xuyên - trung tâm sản xuất chất bán dẫn, pin lithium và phụ tùng xe - ra lệnh đóng cửa hầu hết nhà máy. Các chuyên gia cảnh báo đợt nắng nóng hiện nay có thể khiến tăng trưởng GDP của Trung Quốc sụt giảm khoảng 1,5 điểm phần trăm.

Chỉ số chứng khoán CSI 300 của Trung Quốc đã giảm 7% trong tháng 7/2022, khi đại dịch COVID-19 bùng phát mạnh mẽ tại Trung Quốc, khủng hoảng thị trường bất động sản và rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu đè nặng lên thị trường.



Ngày 15/8, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) bất ngờ cắt giảm lãi suất chủ chốt - lãi suất do ngân hàng trung ương đặt ra cho các ngân hàng lớn - nhằm phục hồi nhu cầu tín dụng, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. PBoC giảm lãi suất chủ chốt từ 2,85% xuống 2,75% đối với các khoản vay trong khuôn khổ cơ chế cho vay trung hạn (MLF) kỳ hạn một năm, áp dụng với các ngân hàng lớn và “bơm” thêm 400 tỷ nhân dân tệ (59,33 tỷ USD) vào thị trường.

Ngoài ra, PBoC cũng giảm 10 điểm cơ bản của chi phí cho vay từ 2,10% xuống 2,00% cho các hợp đồng mua lại đảo ngược kỳ hạn 7 ngày. Đây là lần thứ 2 trong năm nay PBoC cắt giảm lãi suất để phục hồi nhu cầu của người tiêu dùng.

Tiếp đến, ngày 22/8, PBOC bất ngờ lại có động thái giảm lãi suất lần thứ 2 chỉ trong vòng 1 tuần. Trong đợt giảm này, lãi suất cơ bản (LPR) của các khoản vay kỳ hạn 1 năm giảm 0,05 điểm phần trăm, còn 3,65%. Lãi suất cơ bản của các khoản vay kỳ hạn 5 năm giảm 0,15 điểm phần trăm, còn 4,3%.

Ngày 24/8, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục vạch ra gói chính sách gồm 19 điểm, có quy mô 1.000 tỷ nhân dân tệ (146 tỷ USD). Trong đó có cấp bổ sung 300 tỷ nhân dân tệ cho các ngân hàng chính sách quốc gia, để rót vào dự án cơ sở hạ tầng. Các chính quyền địa phương sẽ được phát hành thêm 500 tỷ nhân dân tệ trái phiếu đặc biệt. Khi hạn hán gây thiếu điện trên khắp Trung Quốc, các công ty điện quốc doanh cũng được phép bán 200 tỷ nhân dân tệ trái phiếu. Khoảng 10 tỷ nhân dân tệ sẽ được cấp cho ngành nông nghiệp.

Căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa Trung – Mỹ sau chuyến viếng thăm của bà Pelosi, Chủ tịch hạ viện Mỹ tới Đài Loan. Quân đội Trung Quốc đã tiến hành đợt tập trận chưa từng có từ ngày 4 đến 7/8 tại 6 địa điểm xung quanh Đài Loan. Các chuyên gia lo ngại, sự chia rẽ giữa hai quốc gia có thể sẽ tạo ra một cuộc xung đột toàn cầu khác.

▪ *Mỹ*

Chỉ số PMI sản xuất tháng 8 của Mỹ tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 7/2020, từ 52,2 điểm của tháng 7/2022 còn 51,5 điểm vào tháng 8/2022.

Chính sách thắt chặt tiền tệ của Mỹ đã phần nào cho thấy hiệu quả trong việc kéo giảm tỷ lệ lạm phát (9,1% trong tháng 6, 8,5% trong tháng 7 và dự kiến tiếp tục giảm). Các nhà hoạch định chính sách cho rằng nền kinh tế Mỹ sẽ cần chính sách thắt chặt tiền tệ “trong một thời gian nhất định” trước khi kiểm soát được lạm phát. Những dữ liệu này có thể đồng nghĩa với việc Fed tiếp tục mạnh tay trong việc nâng lãi suất. Điều đó đồng nghĩa với việc lãi suất cao hơn, tăng trưởng chậm hơn và các điều kiện trên thị trường lao động suy yếu.

Chi phí sinh hoạt của người dân Mỹ vẫn ở mức cao, buộc nhiều người phải nạp thêm tiền vào thẻ tín dụng trả trước và tiêu hết tiền tiết kiệm. Sau khi dữ liệu tuần trước cho thấy nhu cầu lao động vẫn mạnh mẽ và tăng trưởng tiền lương ổn định hơn, giới phân tích nhận định Fed sẽ tiếp tục chịu sức ép tăng lãi suất mạnh.

▪ *EU*

Các hoạt động kinh tế ở khu vực này đồng loạt suy yếu trong tháng 8. Đây là tháng thứ 2 liên tiếp châu Âu phải chứng kiến sự suy yếu này. Nguyên nhân là giá năng lượng tăng trở lại do những bất ổn xoay quanh nguồn cung năng lượng từ Nga.

Bên cạnh đó, trên khắp châu Âu, hạn hán đang khiến các con sông chính từng cuốn cuộn chảy giờ trông như những con suối. Hạn hán 500 năm có một này dự báo sẽ gây hậu quả nghiêm trọng với các ngành sản xuất, vận tải hàng hóa, năng lượng, sản xuất lương thực.

Chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng tiền chung châu Âu đã giảm xuống 49,6 trong tháng 8/2022, giảm từ 49,8 vào tháng 7/2022 và thấp hơn nữa dưới mốc 50,0. Nhìn chung, đây là chỉ số thấp nhất kể từ tháng 6/2020 và báo hiệu lần thứ hai liên tiếp xấu đi.

Sản lượng trong lĩnh vực sản xuất đã ghi nhận tháng giảm thứ 3 liên tiếp. Số lượng đơn hàng mới trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đều sụt giảm. Trong khi đó, các nhà máy ghi nhận lượng hàng tồn kho tăng lên do nhu cầu giảm.

Đầu tháng 8, EC dự báo kinh tế EU tăng trưởng 2,7% trong năm nay và 1,5% vào năm sau. Tổ chức này cũng lưu ý rằng việc Nga cắt hoàn toàn khí đốt cho châu Âu sẽ đẩy châu lục này rơi vào suy thoái trong năm 2022.

Tháng 8/2022, lạm phát tại khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đạt mức kỷ lục mới, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Kể từ tháng 11/2021, giá tiêu dùng tại Eurozone đã liên tiếp ghi nhận các mức kỷ lục khi giá năng lượng tăng vọt do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tại Ukraine.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Ngày 11/8, Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) tiếp tục điều chỉnh dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu và nhu cầu dầu mỏ trong năm 2022. Trong báo cáo định kỳ tháng 8, OPEC nhận định nền kinh tế thế giới dự kiến sẽ chỉ tăng trưởng 3,1% vào năm 2022, điều chỉnh giảm so với mức 3,5% được đưa ra trong dự báo tháng 5.

Giải thích về việc hạ dự báo lần này, OPEC cho biết các nền kinh tế lớn chứng kiến tăng trưởng quý II/2022 yếu hơn cùng kỳ, và có dấu hiệu cho thấy nguy cơ suy giảm hơn nữa. Nền kinh tế thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức như căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng đứt gãy, đại dịch COVID-19 kéo dài, lạm phát gia tăng, mức nợ chính phủ cao ở nhiều khu vực và việc một số ngân hàng trung ương dự báo tiếp tục chính sách thắt chặt tiền tệ, như Mỹ, Anh, Nhật Bản, Liên minh châu Âu (EU).

Trong hơn một thập kỷ qua đã xuất hiện những nghịch lý giữa phát triển khoa học công nghệ, di cư trong lĩnh vực lao động việc làm và bất bình đẳng thu nhập với tăng năng suất lao động. Xu hướng mới trong đánh giá năng lực cạnh tranh để phát triển toàn diện của mỗi quốc gia dần trở nên cần thiết hơn, tạo nền tảng vững chắc khi đối diện với khủng hoảng.

Do đó, bên cạnh các chỉ số tăng trưởng kinh tế, Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã từng công bố một thước đo toàn diện hơn cho sự phát triển của mỗi quốc gia, đó là Chỉ số Phát triển toàn diện. Các phép đo của nó bao gồm tăng trưởng, hòa nhập xã hội và phân phối thu nhập công bằng quốc gia. Chỉ số này khá tương đồng với Chỉ số Năng lực Cạnh tranh Toàn cầu.



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 8/2022

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 8 năm 2022 ước tính tăng 12,41% so với cùng kỳ năm trước; trong đó có một số ngành tăng như: Sản xuất và phân phối điện; công nghiệp khai khoáng.

Cụ thể, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 29,59%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 2,20%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 18,41%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 4,79%.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CHỈ SỐ IIP 8 THÁNG CÁC NĂM 2018-2022
SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC CỦA MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

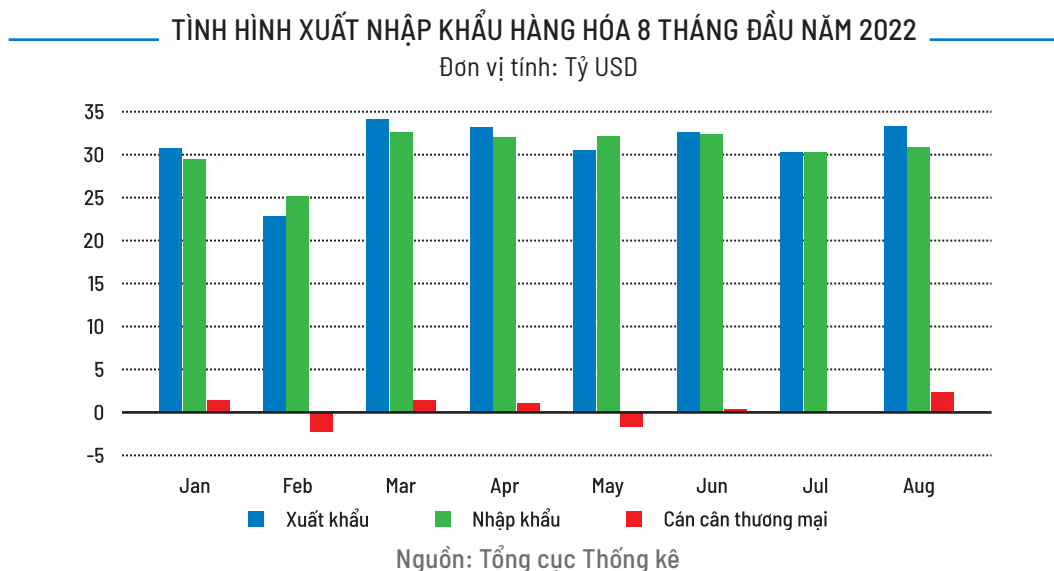
Đơn vị tính: %

	2018	2019	2020	2021	2022
Sản xuất đồ uống	8,6	10,2	-7,0	0,2	26,8
Sản xuất trang phục	10,5	8,4	-5,7	5,8	22,5
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	10,2	9,0	-4,2	8,2	18,5
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	23,2	-1,7	26,6	-16,3	17,4
Sản xuất thiết bị điện	8,4	10,5	-0,9	2,9	17,4
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phần vào đầu	3,0	11,7	-4,3	7,6	14,3
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	2,1	11,1	-5,4	4,3	14,2
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	17,0	3,8	8,7	8,5	11,3
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	15,4	6,0	2,9	5,7	10,4
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-5,1	-1,4	-11,6	-11,1	-0,7
Sản xuất kim loại	17,9	40,2	-1,9	30,6	-0,8
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	4,0	15,2	3,3	-0,1	-6,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Tám tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 250,8 tỷ USD, nhập khẩu khoảng 246,8 tỷ USD. Như vậy, cán cân thương mại xuất siêu gần 4 tỷ USD.



Trong 8 tháng đầu năm, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 77,7 tỷ USD. Còn Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 82,1 tỷ USD.

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

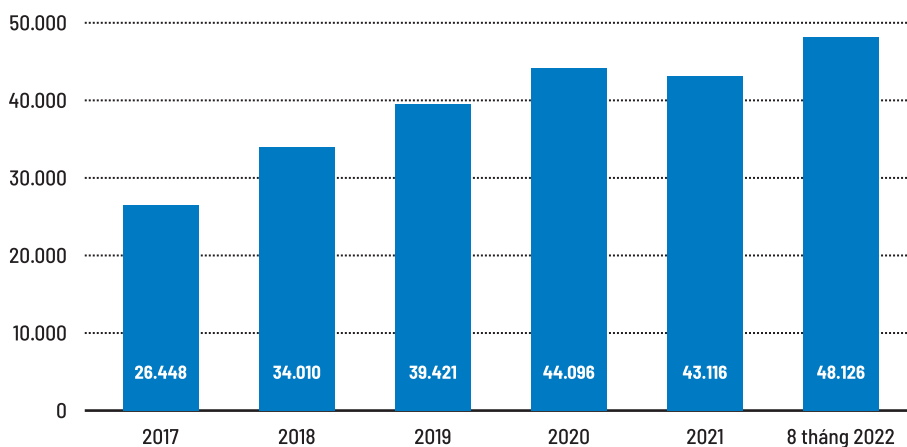
Doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động trong 8 tháng đầu năm tiếp tục duy trì mức cao chưa từng có khi số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong tháng 8/2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021.

Cụ thể, trong tháng 8/2022, có 11.918 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký là 130.198 tỷ đồng, tăng 106,9% về số doanh nghiệp và tăng 91,6% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2021. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong 8 tháng đầu năm đạt mức cao nhất trong giai đoạn 8 tháng đầu năm từ trước đến nay với 149.451 doanh nghiệp, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Đáng chú ý, trong tổng số 149.451 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động, số doanh nghiệp thành lập mới trong 8 tháng đầu năm 2022 là 101.325 doanh nghiệp, mức cao nhất trong giai đoạn 8 tháng đầu năm từ trước đến nay, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2021.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2022

SỐ DOANH NGHIỆP QUAY TRỞ LẠI HOẠT ĐỘNG QUA CÁC NĂM



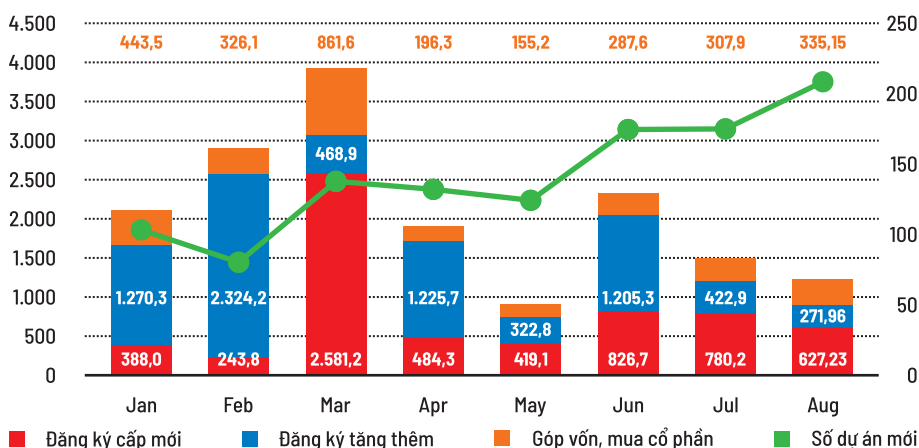
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tám tháng đầu năm 2022, lượng vốn FDI vào Việt Nam đạt 16,8 tỷ USD, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm 2021. Các nhà đầu tư FDI đã tham gia vào 18/21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt trên 10,7 tỷ USD, chiếm 63,9% tổng vốn đầu tư đăng ký.

CƠ CẤU ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

8 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 THEO THÁNG VÀ THEO THÀNH PHẦN VỐN ĐẦU TƯ



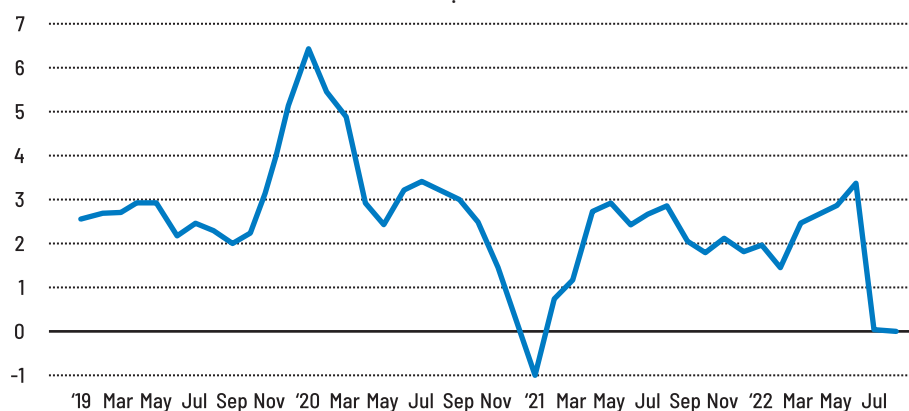
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 tăng 0,005% so với tháng trước, tăng 3,6% so với tháng 12/2021 và tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2022, CPI tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước.

TỐC ĐỘ TĂNG/GIẢM CPI SO VỚI THÁNG LIỀN TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

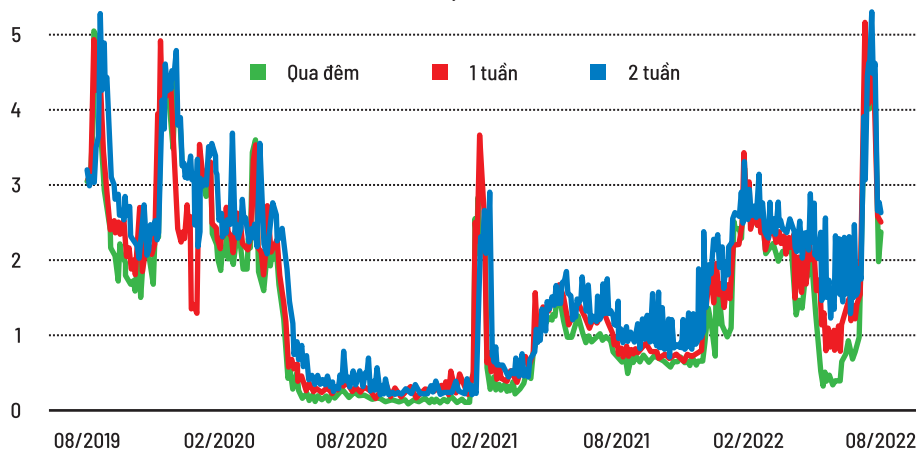
Trong 2 tháng qua, lượng tiền các ngân hàng thương mại bơm mới vào nền kinh tế hạn chế dựa trên số liệu tăng trưởng tín dụng đến 15/8 chỉ đạt 9,62%, không thay đổi đáng kể so với số liệu cuối tháng 6 và tháng 7. Yếu tố này giúp thanh khoản trong hệ thống ngân hàng ở trạng thái dôi dào trong nhiều tháng qua.

1.2.2. Lãi suất

Lãi suất liên ngân hàng có diễn biến hạ nhiệt trong tháng 8 vừa qua sau khoảng thời gian lượng lớn tín phiếu đáo hạn nhưng khó có thể giảm sâu hơn khi Ngân hàng Nhà nước quay trở lại hút ròng mạnh.

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG ĐÃ GIẢM MẠNH SAU KHI ĐẠT ĐỈNH VÀO CUỐI THÁNG 7

Đơn vị tính: %



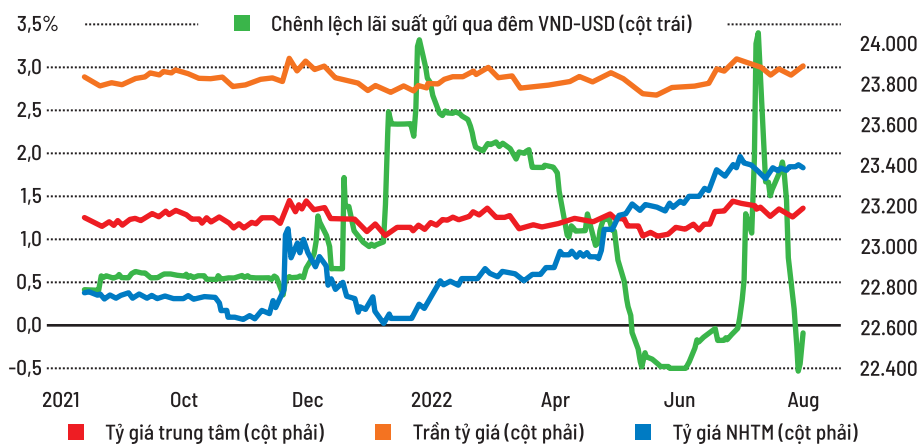
Nguồn: Bloomberg

Việc Fed vẫn trong quá trình tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát, cụ thể là dự báo cơ quan này sẽ nâng lãi suất thêm 0,5 - 0,75% vào tháng 9 tới sẽ khiến lãi suất của Việt Nam cũng chịu áp lực tăng. Ngoài ra, nhu cầu vốn cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng là yếu tố tạo áp lực lên lãi suất tại Việt Nam.

1.2.3. Tỷ giá

Việc Ngân hàng Nhà nước giảm dự trữ ngoại hối từ đầu năm tới nay cũng đã giúp cho đồng VND không bị mất giá quá nhiều. Tính tới ngày 19/8/2022, chỉ số DXY đã tăng 13,06% so với cuối năm 2021, đồng VND là đồng tiền mất giá ít nhất so với USD, khoảng 2,48%.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ TRONG MỘT NĂM GẦN ĐÂY



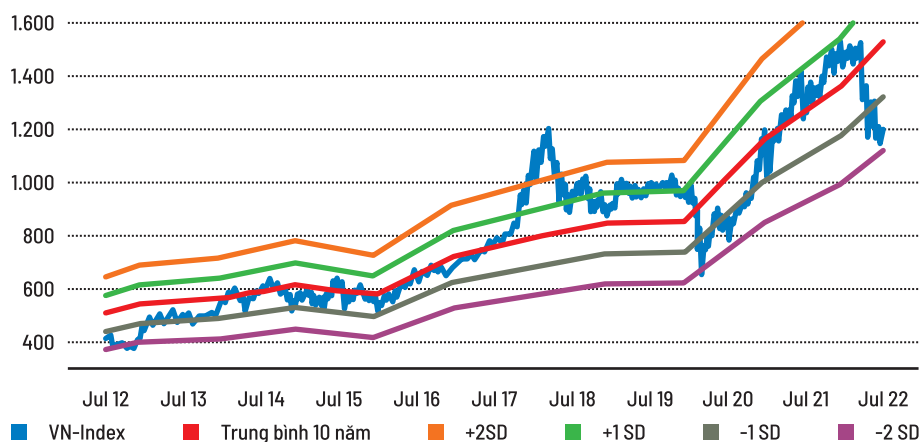
Nguồn: Bloomberg

1.2.4. Chứng Khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam còn rất hấp dẫn nếu so sánh với các thị trường lân cận cũng như thị trường phát triển trên thế giới bởi các yếu tố tích cực như tình hình vĩ mô được kiểm soát tốt (tỷ giá, lạm phát...); lãi suất chưa tăng mạnh; GDP tăng trưởng cao kèm khả năng sinh lợi lớn (ROE > 15%) và đang được giao dịch tại mức định giá thấp.

Mirae Asset dự báo tăng trưởng EPS năm 2022 ở mức 17,5% so với cùng kỳ (thậm trọng hơn mức đồng thuận của thị trường hiện tại là 21%); tuy nhiên, so với cuối năm 2021, VN-Index đã giảm 17%. Điều này có nghĩa là định giá của VN-Index đã chiết khấu đáng kể các rủi ro liên quan.

ĐỊNH GIÁ VN-INDEX THEO P/E DỰ PHÓNG 12 THÁNG TỚI



Nguồn: Chứng khoán Mirae Asset

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 8/2022 tăng 0,4% so với tháng trước, tăng 3,06% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 1,64% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,58%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu.

LẠM PHÁT CƠ BẢN THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2018 – 2022

Đơn vị tính: %

	2018	2019	2020	2021	2022
Lạm phát cơ bản tháng 8 so với tháng trước	0,22	0,13	-0,01	-0,02	0,40
Lạm phát cơ bản tháng 8 so với cùng kỳ năm trước	1,54	1,95	2,16	0,98	3,06
Lạm phát cơ bản 8 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước	1,38	1,90	2,66	0,90	1,64

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investors Service vừa nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức Ba3 lên mức Ba2, triển vọng Ổn định. Việc nâng hạng đồng nghĩa với việc các nhà đầu tư đánh giá khả năng trả nợ của Việt Nam tốt hơn, chi phí đi vay giảm, bao gồm cả khu vực Nhà nước và doanh nghiệp.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ chương, chính sách

▪ *Tạm dừng làm thủ tục đối với kho xăng dầu chưa kết nối với cơ quan hải quan*

Để đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực hải quan, chống gian lận thương mại đối với mặt hàng xăng dầu xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, ngày 15/6/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan, có hiệu lực từ ngày 10/8/2020.

Trong đó, nghị định quy định các kho xăng dầu (khu vực lưu giữ xăng dầu xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất) phải lắp đặt thiết bị đo mức bồn, bể tự động kết nối trực tuyến số lượng xăng dầu xuất, nhập, tồn kho với cơ quan hải quan.

Nghị định cũng quy định, đến ngày 10/8/2022, các kho xăng dầu có hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất đều phải đáp ứng yêu cầu trên.

▪ *Chính phủ đã thông qua việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi*

Mới đây ngày 8/8, Chính phủ đã thông qua việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi (MFN) đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10.

Cụ thể, mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xăng động cơ, không pha chì (thuộc mã HS từ 2710.12.21 đến 2710.12.29) được điều chỉnh giảm từ 20% xuống 10%.

Việc giảm thuế MFN không giúp hạ nhiệt giá xăng trong nước nhưng sẽ góp phần đa dạng hóa nguồn cung xăng dầu từ các quốc gia khác như Trung Quốc, Mỹ và các quốc gia khu vực Trung Đông, tránh sự phụ thuộc quá lớn vào một số đối tác như hiện nay trong trường hợp nguồn cung trên thị trường thế giới biến động

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Hầu hết các chuyên gia kinh tế nước ngoài đều lạc quan khi nhận định về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay bất chấp bối cảnh quốc tế còn nhiều khó khăn, bao gồm giá năng lượng cao.

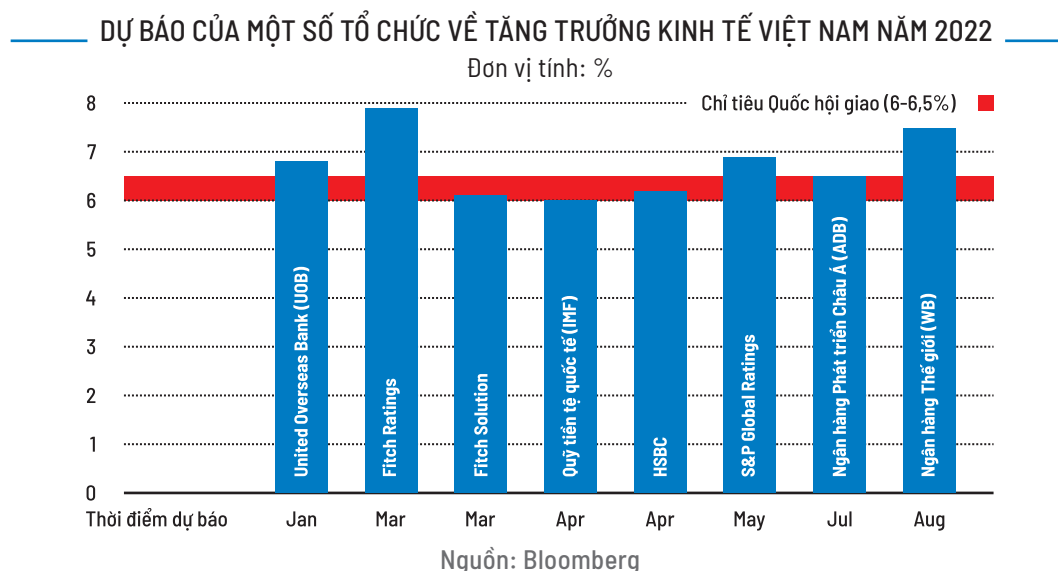
Ngân hàng Thế giới (WB) vừa công bố báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam với tựa đề: “Giáo dục để tăng trưởng” với những nhận định lạc quan. Theo đó, WB dự báo **tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm nay sẽ ở mức 7,5%** so với mức 2,1% năm ngoái.

Cũng có nhận định lạc quan về kinh tế Việt Nam năm 2022, **ngân hàng HSBC** cho rằng Việt Nam là một trong những quốc gia tăng trưởng nhanh nhất khu vực trong năm nay. Trong báo cáo mới đây, các chuyên gia phân tích của HSBC cho rằng, Việt Nam là quốc gia hiếm hoi duy trì được tăng trưởng hai năm liên tiếp kể từ khi xảy ra đại dịch

và hiện đang được coi là điểm sáng trong khu vực do tiềm năng phát triển kinh tế vững vàng và khả năng phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19. Vì vậy, **HSBC đã nâng dự báo tăng trưởng cả năm nay lên 6,9% (từ mức dự đoán 6,2% và 6,6% trước đó)**, nhiều khả năng tốc độ tăng trưởng của Việt Nam sẽ dẫn đầu khu vực.

Tương tự, **ngân hàng UOB của Singapore cũng nâng dự báo tăng trưởng từ mức 6,5% trước đó lên mức 7%** với giả định không có gián đoạn nghiêm trọng nào nữa do đại dịch gây ra.

Bất chấp tăng trưởng xuất khẩu khiêm tốn trong tháng 7, Việt Nam vẫn được Công ty xếp hạng tín nhiệm **Moody's Analytics** đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng. Moody's cho rằng Việt Nam sẽ là nước được hưởng lợi từ dòng vốn đầu tư chuyển hướng do những bất ổn chính sách ở Trung Quốc. Theo đó, **Moody's nâng dự báo tăng trưởng năm nay của Việt Nam lên 8,5%**.



Trong báo cáo kinh tế mới nhất về Việt Nam, **Ngân hàng Standard Chartered** cũng dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong tháng 8 khi quá trình phục hồi kinh tế cho thấy những tín hiệu lan tỏa. Ngân hàng **đuy trì dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 10,8% trong quý 3/2022 và 3,9% trong quý 4/2022, đưa tăng trưởng GDP cả năm đạt 6,7%**.

Mặc dù triển vọng tăng trưởng rất tích cực, song các chuyên gia của WB cũng lưu ý đến những rủi ro đang gia tăng, đe dọa đến viễn cảnh phục hồi của nền kinh tế. Các rủi ro đó bao gồm tăng trưởng chậm lại hoặc lạm phát đình đốn tại những thị trường xuất khẩu chủ lực, cú sốc giá cả hàng hóa thế giới tiếp tục diễn ra cùng với đó là sự gián đoạn của các chuỗi cung ứng toàn cầu hay sự xuất hiện của các biến chủng Covid-19 mới.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2022

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 8 NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 8 2022	8 tháng 2022	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	-	
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	102,9	115,6	109,4	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới							
	- Về số lượng	DN	11.900	101.300	95,5	206,9	124,2	
	- Về số vốn đăng ký	Tỷ đồng	130.200	1.136.300	105,1	191,6	100,3	
	- Về vốn đăng ký bình quân	Tỷ đồng	10,9	11,2	116,1	92,6	80,7	
	- Về số lao động đăng ký	Người	75.200	696.200	70,9	173,3	116,2	
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.500	48.100	277,8	167,1	148,3	
3.3	Rút lui khỏi thị trường							
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	3.756	59.600	71,1	120,5	138,1	
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	4.453	32.400	100,8	177,3	107,5	
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.953	12.300	110,5	240,5	99,1	
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội							
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	48,3	285,4	-	151,4	116,9	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	16,78	-	-	87,7	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	12,8	-	-	110,8	
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD	-	344,8	-	-	230	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	481,2	3.679,2	100,6	150,2	119,3	
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa							
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	33,38	250,8	109,1	122,1	117,3	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	30,96	246,84	101,4	112,4	113,6	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,42	Xuất siêu 3,96	-	-	-	
7	Chỉ số giá				A	B	C	D
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,005	102,89	102,58	103,6
7.2	Chỉ số giá vàng				99,1	105,87	106,5	-
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,18	102,41	100,37	-
7.4	Lạm phát cơ bản				100,4	103,06	101,64	

A: Tháng 8/2022 so với tháng trước

B: Tháng 8/2022 so với tháng 8/2021

C: 8 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

D: Tháng 7/2022 so với tháng 12/2021



Ảnh bìa: Nắng nóng khắc nghiệt và hạn hán kéo dài đang gây hậu quả nghiêm trọng cho kinh tế Mỹ, châu Âu và Trung Quốc.

Angel Garcia | Bloomberg | Getty Images



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện